TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HSST
Ngày 12/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu và ông Nguyễn Hà Giang

- T1 ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Huệ, T1 ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Chuẩn, Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2024/TLST-HS ngày 01/02/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HS ngày 27/02/2023 đối với các bị cáo:

1. Đinh Vạn D sinh năm 1992; tại xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Mạnh H và bà Hoàng Thị L; vợ Phạm Thị Hải Y (cũng là bị cáo trong vụ án) và có 02 con. Tiền án: Không; tiền sự ngày 02/02/2023 bị Công an xã N xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Lịch sử bản thân ngày 22/11/2006 bị UBND huyện H ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng; ngày 23/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn xử phạt 27 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; ngày 07/5/2013 Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị can bị tạm giữ từ ngày 25/10/2023 đến ngày 01/11/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Phạm Thị Hải Y sinh năm 1992; tại xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Tống Thị N; chồng Đinh Vạn D (cũng là bị cáo trong vụ án) có 02 con và đang mang thai con thứ ba. Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng lệnh cầm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bị hại:

- Anh Trịnh Văn S sinh năm 1980; địa chỉ xóm T, xã K, huyện Y; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Minh Thúy sinh năm 2001; địa chỉ số 207, đường 1, thành phố B, Ninh Bình. Người đại diện của chị Thuý là bà Phạm Thị Huệ sinh năm 1969; địa chỉ số 207, đường 1, thành phố B, Ninh Bình; đại diện theo uỷ quyền (giấy uỷ quyền ngày 04/3/2024); có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn T1 sinh năm: 1984; địa chỉ thôn L, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Ông Đinh Mạnh T2 sinh năm 1959; địa chỉ thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Anh Đinh Mạnh T3 sinh năm 1987; địa chỉ thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong hai ngày 16/10/2023 và 22/10/2023 trên địa bàn huyện Y và thành phố Ninh Bình, D đã thực hiện hai lần trộm cắp tài sản (trong đó Y tham gia trộm cắp cùng với D một lần) cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 00 giờ 30 ngày 16/10/2023 D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu MIKADO gắn biển kiểm soát 14P4-8096 mang theo 01 kìm cộng lực và 01 đoạn dây thừng chở Y đến khu vực xóm T, xã K, huyện Y với mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà anh S quan sát thấy cổng khóa, không có người trông coi, trong sân nhà anh S có 02 chiếc xe đạp điện (gồm 01 chiếc xe đạp điện có ký hiệu 133M, dán decal One, màu đỏ, đen, xám và 01 chiếc xe đạp điện ký hiệu xe 133M, có dán decal Japan, màu đỏ, đen, xám; cả 02 xe đều không có biển kiểm soát), D bảo Y đứng đợi ngoài đường còn D cầm kìm cộng lực cắt khóa cổng và vào sân dắt lần lượt 02 xe đạp điện ra ngoài. D đưa cho Y 01 chiếc xe đạp điện, còn D dùng dùng dây thừng buộc đầu 01 xe đạp điện vào yên xe mô tô, sau đó D và Y mang 02 xe đạp điện về nhà mình cất giấu. Đến khoảng 11 giờ ngày 16/10/2023 D bảo Y mang chiếc xe đạp điện màu đen, ký hiệu 133M, dán decal Japan đến bán cho cửa hàng xe đạp điện của anh T1 tại xã Ninh Giang, huyện H với giá 2.500.000 đồng còn chiếc xe đạp điện màu đen có có ký hiệu 133M, dán decal One, D đưa cho bố đẻ là ông T2sử dụng.

Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ 00 ngày 22/10/2023 D đi giao hàng ở khu vực nhà chị Thúy tại số nhà 207, đường Trịnh Tú, phố Mía Đông, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình phát hiện trong lán xe nhà chị Thúy có 01 xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ1-038.83, loại 133S nên nảy sinh ý định trộm cắp. Đến khoảng 23 giờ 00 cùng ngày, D điều khiển xe mô tô gắn biển kiểm soát 14P4-8096 mang theo 01 kìm cộng lực, 01 đoạn dây thừng đi đến khu vực cách nhà chị Thúy khoảng 50 mét thì dựng xe gần cột điện. Quan sát thấy xe máy điện vẫn còn trong lán, không có người trông coi và không có người đi lại, D cầm kìm cộng lực cắt phần móc khóa của cánh cửa rồi dắt chiếc xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ1-038.83 ra chỗ xe mô tô rồi dùng dây thừng buộc đầu xe máy điện vào yên xe. Sau đó D điều khiển xe mô tô kéo theo xe máy điện đến khu vực chân cầu non nước thuộc phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình dừng lại dùng tay tháo ốc vít biển kiểm soát của xe máy điện vất xuống sông Vân rồi điều khiển xe mô tô kéo xe máy điện về nhà mình cất giấu. Đến khoảng 13 giờ 00 ngày 23/10/2023, D lấy chìa khóa xe mô tô cắm vào ổ khóa xe máy điện và điều khiển xe máy điện đến cửa hàng khóa của ông Hợp ở phố 2, phường Vân Giang, thành Ninh Bình để thuê đánh chìa khóa xe máy điện. Quá trình ông Hợp đánh chìa khóa xe thì Tổ công tác của Công an phường Vân Giang tuần tra, thấy xe không đeo biển kểm soát và D có biển hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra hành

chính đối với D. Do D không trình bày được nguồn gốc xe máy điện nên Tổ công tác đã đưa D cùng vật chứng về trụ sở Công an phường làm việc. Tại đây D khai nhận nguồn gốc xe máy điện là do D trộm cắp mà có. Công an phường Vân Giang tiến hành lập biên bản và thu giữ 01 xe máy điện, loại 133S không đeo biển kiểm soát.

Ngày 24/10/2023 D đến Công an xã K, huyện Y tự thú về hành vi cùng Y trộm cắp 02 chiếc xe đạp điện vào ngày 16/10/2023 tại xã K, huyện Y. Công an xã K tiến hành triệu tập Y lên làm việc, Y khai nhận hành vi trộm cắp của mình.

Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐGTS ngày 30/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận: Xe đạp điện ký hiệu xe 133M, màu đen, có dán decal Japan sản xuất năm 2021 tại thời điểm ngày 16/10/2023 là 3.000.000 đồng; xe đạp điện ký hiệu 133M màu đen, có dán decal One sản xuất năm 2022 tại thời điểm ngày 16/10/2023 là 3.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 90/KL-HĐĐGTS ngày 03/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Ninh Bình kết luận: Xe máy điện màu trắng, loại 133S giá trị tại thời điểm tháng 10/2023 là 3.000.000 đồng.

Cáo trạng số 09/CT-VKSYK ngày 30/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo D và bị cáo Y về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo D và bị cáo Y phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo D từ 15 tháng đến 18 tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 25/10/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Y từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện H nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Y cho UBND xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục bị cáo. Khấu trừ 05% thu nhập hằng tháng của bị cáo Y trong thời gian cải tạo không giam giữ, để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 kìm cộng lực và 01 đoạn dây thừng màu xanh.

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc hội. Buộc bị cáo D và bị cáo Y phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà bị cáo D và bị cáo Y đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng là đúng. Nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan; phù hợp với các tài liêu, chứng cứ có trong hồ sơ về thời gian, địa

điểm, hành vi của các bị cáo và tài sản chiếm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 00 giờ 30 ngày 16/10/2023 tại nhà anh S ở xóm T, xã K; D bảo Y đứng ngoài đường, còn D lén lút cầm kìm cộng lực cắt khóa cổng vào nhà anh S lấy và chiếm đoạt của gia đình anh S 02 chiếc xe đạp điện; rồi D và Y mang 02 xe đạp điện mang về nhà mình cất giấu; tổng trị giá 02 chiếc xe đạp điện là 6.000.000 đồng.

Khoảng 23 giờ 00 ngày 22/10/2023 tại nhà chị Thúy ở số 207, đường Trịnh Tú, phố Mía Đông, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình; D cầm kìm cộng lực lén lút cắt móc khóa cửa, vào nhà chị Thuý lấy và chiếm đoạt của chị Thuý 01 chiếc xe máy điện với giá trị là 3.000.000 đồng.

Hành của bị cáo D và bị cáo Y là trái pháp luật, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự xã hội. Hành vi của bị cáo D và bị cáo Y đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo D và bị cáo Y về tội danh và điều khoản như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo D trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; bị cáo Y giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tăng nặng: Bị cáo D có tình tiết tăng nặng là "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Y không có tình tiết tăng nặng

Về giảm nhẹ: Bị cáo D "Tự thú; thành khẩn khai báo" theo quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Y "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là phụ nữ có thai; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện trả lại tiền bán xe đạp điện cho anh T1" theo quy định tại các điểm i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những tình tiết nêu trên thấy rằng:

Bị cáo D có nhân thân xấu, đã 01 lần bị đưa vào trường giáo dưỡng, 02 lần bị kết án tù về tội trộm cắp tài sản, có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý; nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo D để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo D có 01 tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ; nên giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Y phạm tội ít nghiệm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục là phù hợp. Bị cáo Y có 04 tình tiết giảm nhẹ, nên giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ và mức giảm nhẹ của mỗi tình tiết mà bị cáo được hưởng. Khấu trừ 05% thu nhập hằng tháng của bị cáo Y trong thời gian cải tạo không giam giữ, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo D và bị cáo Y không có tài sản, nên không phạt bổ sung là phạt tiền đối với D và Y.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh S và chị Thúy đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, anh T1 đã nhận lại số tiền mua xe máy điện của Y là 2.500.000 đồng. Anh S, chị Thúy và anh T1 không có yêu cầu gì; nên Toà án không xem xét giải quyết.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ gồm "01 xe đạp điện màu đen ký hiệu 133M, dán decal One; 01 xe đạp điện màu đen, ký hiệu 133M, dán decal Japan; 01 xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ1-038.83; 01 xe mô tô gắn biển kiểm soát 14P4-8096; 01 kìm cộng lực; 01 đoạn dây thừng màu xanh.

- Tài sản là xe đạp điện có ký hiệu 133M, dán decal One và xe đạp điện ký hiệu xe 133M, dán decal Japan là tài sản của anh S; xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ1-038.83 là tài sản của chị Thuý. Cơ quan điều tra Công an huyện Y đã trả lại cho các chủ sở hữu.

- Đối với xe mô tô gắn biển kiểm soát 14P4-8096 là tài sản của anh T3 cho D mượn xe để đi lại, D dùng xe mô tô đi trộm cắp tài sản anh T3 không biết, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho anh T3; riêng chiếc biển kiểm soát số 14P4-8096 Cơ quan điều tra Công an huyện Y tách ra để xử lý sau.

- Đối với 01 kìm cộng lực và 01 đoạn dây thừng màu xanh, D sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Trong vụ án này anh T1 đã mua xe đạp điện của Y, ông T2sử dụng xe đạp điện của D. Nhưng anh T1 và ông T2 đều không biết tài sản do D và Y phạm tội mà có; nên hành vi của anh T1 và hành vi của ông T2 không có dấu hiệu tội phạm.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại, người liên quan đều không khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo D và Y đều bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Đinh Vạn D và Phạm Thị Hải Y phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm r, s Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Đinh Vạn D 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 25/10/2023.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạm Thị Hải Y 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện H, tỉnh Ninh Bình nhận được Quyết định thi hành án của Toà án.

Khấu trừ 05% thu nhập hằng tháng của bị cáo Phạm Thị Hải Y trong thời gian cải tạo không giam giữ, để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Phạm Thị Hải Y cho Uỷ ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Y có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo Y thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 kìm cộng lực và đoạn dây thừng màu xanh. Vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/02/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Y với Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đinh Vạn D và Phạm Thị Hải Y mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; người bị hại là chị Thuý; người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông T2và anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại là anh S và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh T3 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Đều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan
- Chi cục THA
- Công an huyện Y
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực